TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /2023/QĐDS-ST
Ngày 09-01-2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Phước Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 90/2022/TLS-VDS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: "*Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*" theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948 (Có mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc dân sự:*

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

3/ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

4/ Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 15/10/2022 và trong phiên họp Bà Nguyễn Thị L trình bày: Con trai bà là anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 đang sinh sống tại Ấp C, xã T bị mắc bệnh thần kinh không tự làm chủ được hành vi của mình và được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng bằng 720.000 đồng theo Quyết định số 7281/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T do thuộc đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng từ ngày 01/9/2021 cho đến nay, bà là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt cho anh H trong cuộc sống hàng ngày. Để bổ túc thủ tục ly hôn và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh H nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn H bị mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo của Tòa án về kết luận giám định của anh H "có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" nên bà có đơn xin thay đổi đơn yêu cầu, yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Người bị yêu cầu anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh phát bệnh vào năm 2021 đến nay, vợ anh là chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975 và 02 người con là Nguyễn Trọng N, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1999 đã bỏ địa phương đi từ lâu không trở về thăm anh. Mẹ anh là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt hàng ngày cho anh nên anh đồng ý để bà L là người giám hộ.

Đối với những người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Trọng N, chị Nguyễn Thị Kim N1 vắng mặt tại phiên họp.

Tại phiên họp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết việc dân sự các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L, tuyên bố anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án xác nhận sự kiện pháp lý về việc một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thuộc khoản 1 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Người bị yêu cầu anh Nguyễn Văn H cư trú tại Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có liên quan đến việc dân sự Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị Kim N1 là vợ và con của anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định mở phiên họp và quyết định hoãn phiên họp nhưng vắng mặt tại phiên họp lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản

3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét thấy việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc mở phiên họp giải quyết việc dân sự nên Thẩm phán tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Về việc xác định đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi:

Căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 362/2022/KLGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực tây nam bộ xác định *đương sự có bệnh lý tâm thần, mất trí trong bệnh mạch máu (F01-ICD10). Hiện tại đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (ở bút lục số 23, 24).* Sau khi nhận được kết luận người yêu cầu Bà Nguyễn Thị L, người bị yêu cầu anh Nguyễn Văn H không có khiếu nại thống nhất với kết quả giám định, không yêu cầu giám định lại, Do đó có đủ cơ sở công nhận anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[4] Về việc cử người giám hộ cho anh Nguyễn Văn H:

Tại phiên họp anh Nguyễn Văn H xác định quá trình chung sống có mâu thuẫn cự cãi nên chị C đã bỏ nhà đi, sống ly thân với anh H trong một thời gian dài, không quan tâm tới anh, bản thân anh không còn tình cảm với chị Cvà không muốn duy trì hôn nhân với chị C nữa. Các con là Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị Kim N1 rời khỏi địa phương đi làm xa không liên lạc nên anh không biết địa chỉ. Anh sống một mình tại Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bắt đầu phát bệnh vào năm 2021 cho đến nay, Bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp chăm sóc cho anh nên anh yêu cầu Tòa án cử bà L là người giám hộ.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Thị Kim N1 là vợ và con của anh H, sau khi thụ lý việc dân sự Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có mặt tại địa phương, kết quả xác minh vợ và con anh H đã bỏ địa phương đi không khai báo địa chỉ mới (bút lục số 37). Căn cứ vào lời trình bày của anh H cũng như kết quả xác minh xác định chị Nguyễn Thị Kim C cùng các con Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị Kim C không đủ điều kiện để thực hiện việc giám hộ cho anh H/hoặc có khả năng dẫn đến mâu thuẫn lợi ích khi thực hiện việc giám hộ. Vì vậy chị C và các con không thể là người giám hộ đương nhiên cho anh H theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với Bà Nguyễn Thị L cho rằng từ khi anh H bị bệnh thì bà là người duy nhất, trực tiếp chăm lo cho sinh hoạt hàng ngày của anh H và được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng bằng 360.000 đồng do thuộc đối tượng chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng theo quyết định số: 7282/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cử bà là người giám hộ cho anh H. Xét thấy đề nghị của bà L là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015 về người giám hộ đương nhiên trong trường hợp người thành niên mất năng lực hành vi dân sự có vợ, chồng, con mà vợ, chồng, con không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì cha mẹ là người giám hộ. Mặt khác xét thấy bà L có đủ điều kiện của cá nhân làm người giám hộ theo quy định tại Điều 49 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Tòa án chỉ định Bà Nguyễn Thị L là người giám hộ anh Nguyễn Văn H.

Bà Nguyễn Thị L thực hiện quyền nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại các Điều 57, 58, 59 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc giám sát việc thực hiện giám hộ liên quan đến tài sản của người được giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 51 Bộ luật dân sự 2015 và thực hiện đăng ký tại Ủy ban nhân dân nơi người được giám hộ cư trú. Việc thay đổi chuyển giao, chấm dứt, hậu quả của việc chấm dứt giám hộ thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61, 62, 63 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Xét thấy, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 39; 67, Điều 369, 371, 372, 376, 377, 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 48, 49, 51, 53, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, có nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Chỉ định Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948, có nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là người giám hộ anh Nguyễn Văn H.

Bà Nguyễn Thị L thực hiện quyền nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại các Điều 57, 58, 59 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc giám sát việc thực hiện giám hộ liên quan đến tài sản của người được giám hộ thực hiện theo quy định tại Điều 51 Bộ luật dân sự 2015 và thực hiện đăng ký tại Ủy ban nhân dân nơi người được giám hộ cư trú. Việc thay đổi chuyển giao, chấm dứt, hậu quả của việc chấm dứt giám hộ thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61, 62, 63 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ lệ phí.

4. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị L đã tự nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày

công bố. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết công khai.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký